

Số: /BC-STC

Hà Nam, ngày tháng năm 2023

BÁO CÁO

Tình hình giá cả thị trường, công tác trọng tâm tháng 10 năm 2023 và kế hoạch triển khai công tác tháng 11 năm 2023

Căn cứ Thông tư số 116/2018/TT-BTC ngày 28/11/2018 của Bộ Tài chính Quy định chế độ báo cáo giá thị trường.

Sở Tài chính Hà Nam báo cáo tình hình giá cả thị trường, công tác trọng tâm tháng 10 năm 2023 và kế hoạch triển khai công tác tháng 11 năm 2023 như sau:

I. Chỉ số giá tiêu dùng tháng 9 năm 2023

1. Trên cơ sở tham khảo số liệu do Cục Thống kê tỉnh Hà Nam điều tra, Sở Tài chính lập bảng chi tiết chỉ số giá tiêu dùng tháng 9 năm 2023 như sau:

DVT: %

	Chỉ số giá tháng báo cáo so với:		
	Kỳ gốc 2019	Tháng 10/2023 so với tháng 10/2022	Tháng 10/2023 so với tháng 9/2023
CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG CHUNG	112,73	102,54	99,94
Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	116,20	100,89	100,14
<i>Trong đó:</i>			
Lương thực	119,08	107,35	101,64
Thực phẩm	115,70	98,67	99,87
Ăn uống ngoài gia đình	116,10	105,60	100,03
Đồ uống và thuốc lá	108,40	103,15	100,00
May mặc, giày dép và mũ nón	114,63	105,60	100,20
Nhà ở, điện, nước, chất đốt và VLXD	120,34	105,26	100,33
Thiết bị và đồ dùng gia đình	109,32	103,44	100,03
Thuốc và dịch vụ y tế	102,04	100,07	100,00
Giao thông	114,79	104,28	97,98
Bưu chính viễn thông	97,25	100,00	100,00
Giáo dục	105,58	99,98	99,49
Văn hoá, giải trí và du lịch	102,31	101,07	100,00

	Chỉ số giá tháng báo cáo so với:		
	Kỳ gốc 2019	Tháng 9/2023 so với tháng 9/2022	Tháng 9/2023 so với tháng 8/2023
Hàng hóa và dịch vụ khác	113,27	106,95	100,56
CHỈ SỐ GIÁ VÀNG	147,35	109,17	100,01
CHỈ SỐ GIÁ ĐÔ LA MỸ	105,76	101,78	101,08

2. Phân tích chi tiết như sau:

- Chỉ số giá tiêu dùng các mặt hàng tháng 10/2023 giảm 0,06% so với tháng 9/2023, tăng 2,54% so với tháng 10 năm trước, trong đó:

+ Có 05 nhóm chỉ số tăng so với tháng trước: Hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 0,14%; Nhà ở, điện, nước, chất đốt và VLXD tăng 0,33%; May mặc, giày dép và mũ nón tăng 0,2%; Thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,03%; Hàng hóa và dịch vụ khác tăng 0,56%.

+ Có 02 nhóm chỉ số giảm so với tháng trước: Giao thông giảm 2,02%; Giáo dục giảm 0,51%.

+ Có 04 nhóm chỉ số giá ổn định so với tháng trước: Đồ uống và thuốc lá; Thuốc và dịch vụ y tế; Bruu chính viễn thông; Văn hóa, giải trí và du lịch.

- Chỉ số giá vàng tăng 0,01% so với tháng trước.

- Chỉ số giá đô la Mỹ tăng 1,08% so với tháng trước.

II. Diễn biến giá cả thị trường tháng 10 năm 2023

1. Giá lương thực thực phẩm: giá gạo tẻ thường dao động trong khoảng từ 13.500-14.500đ/kg; giá thóc tẻ thường từ 7.200đ/kg-7.600đ/kg; gạo tám thơm Hải Hậu dao động trong khoảng từ 18.000đ/kg-20.000đ/kg...

2. Giá các loại thực phẩm tươi sống

- Giá các loại thịt: Giá thịt lợn hơi dao động từ 50.000đ/kg đến 60.000đ/kg; thịt lợn thăn dao động từ 120.000đ/kg đến 130.000đ/kg; thịt lợn mỡ sấn từ 105.000-115.000đ/kg, giá thịt bò thăn dao động từ 230.000đ/kg đến 250.000đ/kg; gà ta còn sống loại 1kg/con giá từ 100.000đ/kg đến 110.000đ/kg; gà công nghiệp làm sẵn dao động từ 60.000đ/kg đến 65.000đ/kg...

- Giá một số loại thủy, hải sản: cá chép loại 0,5kg/con giá dao động từ 50.000 đ/kg đến 60.000 đ/kg; cá quả (cá lóc) loại 0,5kg/con giá dao động từ 90.000 đ/kg đến 110.000 đ/kg, cá thu loại 1 kg giá từ 150.000 đ/kg-170.000đ/kg, tôm rảo loại 40 con/kg dao động từ 230.000 - 270.000 đồng/kg...

- Giá các loại rau củ quả: Cà chua: 15.000đ/kg-20.000đồng/kg; bí xanh 13.000đ/kg-15.000đ/kg; bắp cải: 10.000 – 15.000 đồng/cái;...

3. Giá một số mặt hàng đường, bia rượu, bánh kẹo, thuốc lá: đường RE giá dao động từ 23.000 đ/kg đến 27.000đ/kg; bia chai Hà Nội giá dao động từ 220.000 đ/két đến 240.000 đồng/két 24 chai; bia lon Hà Nội giá dao động từ 250.000 đ/thùng đến 280.000 đồng/thùng...

4. Giá xăng dầu: Trong tháng 10 năm 2023, giá xăng dầu điều chỉnh từ 16h00' ngày 02/10/2023 theo Văn bản số 6787/BCT-TTTN của Bộ Công thương; từ 16h00' ngày 11/10/2023 tại Văn bản số 7075/BCT-TTTN của Bộ Công thương; từ 16h00' ngày 23/10/2023 tại Văn bản số 7378/BCT-TTTN của Bộ Công thương.

Hiện nay, Xăng RON 95-III có giá 23980đ/lít; xăng E5 Ron 92-II có giá 22.800đ/lít; Dầu Đizen 0,05S-II có giá 22.920đ/lít.

5. Giá Gas petrolimex tăng so với tháng trước: dao động từ 400.000 đồng đến 450.000 đồng mỗi bình dân dụng 12kg van ngang hoặc van đứng.

6. Giá phân bón: giá phân NPK Phú Mỹ được giao dịch ở mức 15.800-17.000 đồng, Urê Hà Bắc từ 11.700-14.000 đồng/kg;.....

7. Giá vàng: Giá vàng 99.99% dao động từ 5.710.000 đồng/chỉ đến 5.955.000 đồng/chỉ.

III. Công tác đã triển khai tháng 10 năm 2023

1. Công tác thẩm định giá đất cụ thể:

- Phương án điều chỉnh xác định tiền sử dụng đất thực hiện dự án trên địa bàn thành phố Phủ Lý.

2. Phối hợp với các ngành thực hiện định giá tài sản trong tổ tụng hình sự theo quy định.

3. Theo dõi sát diễn biến tình hình giá cả thị trường và thực hiện công tác báo cáo giá cả thị trường về UBND tỉnh và Cục quản lý giá - Bộ Tài chính.

IV. Kế hoạch triển khai công tác tháng 11 năm 2023.

1. Tăng cường công tác tham mưu về giá đất đảm bảo sát với thị trường đối với các dự án theo quy định.

2. Phối hợp với các ngành thực hiện định giá tài sản trong tổ tụng hình sự theo quy định.

3. Tiếp tục theo dõi tình hình giá cả thị trường, kịp thời nắm bắt thông tin giá cả trên địa bàn tỉnh để báo cáo Bộ Tài chính, UBND tỉnh theo quy định.

Trên đây là báo cáo tình hình giá cả thị trường, công tác trọng tâm đã triển khai tháng 10 năm 2023 và kế hoạch triển khai công tác tháng 11 năm 2023. Sở Tài chính Hà Nam trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- Cục Quản lý Giá (b/c);
- UBND tỉnh (b/c);
- Sở Tài chính các tỉnh, thành phố;
- Lưu: VT, GCS.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Vũ Văn Thư